

THÔNG BÁO

Về việc Cấp bằng tốt nghiệp – đợt 3 Tháng 5 năm 2025

Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông thông báo cấp bằng tốt nghiệp Đại học đợt 3 tháng 5.2025 cụ thể như sau:

- ✓ Danh sách Sinh viên được cấp bằng **Đại học** (chi tiết kèm theo)

Danh sách Học viên và sinh viên được cấp bằng tốt nghiệp công bố tại mục **Tin tức** trên cổng thông tin điện tử của Học viện tại địa chỉ: <https://daotao.ptit.edu.vn//>

Học viện thông báo và đề nghị:

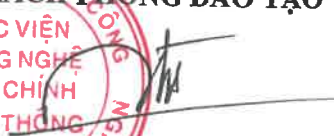
- Cơ sở Học viện tại Tp. Hồ Chí Minh thông báo cho các sinh viên của cơ sở đào tạo tại Tp. Hồ Chí Minh được biết; xây dựng kế hoạch tổ chức phát bằng cho các NCS, học viên, sinh viên và báo cáo Học viện (phòng Đào tạo) trước 01 tuần.
- Phòng Giáo vụ và Trung tâm đào tạo bưu chính viễn thông thông báo cho các sinh viên cơ sở phía bắc được biết
- Các sinh viên của cơ sở đào tạo phía Bắc đến nhận bằng hoàn hiện các thủ tục và nhận bằng tại phòng Phát bằng, tầng 2 nhà A1 vào các buổi chiều thứ 3, 5, 6 hàng tuần.

Nơi nhận:

- Ban GD HV (để b/c);
- Học viện cơ sở (t/h)
- P. Giáo vụ (t/h)
- Trung tâm ĐTBCVT (t/h)
- Lưu VT, ĐT.

TL. GIÁM ĐỐC
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐÀO TẠO

HỌC VIỆN
CÔNG NGHỆ
BƯU CHÍNH
VIỄN THÔNG



Đặng Văn Tùng

THÔNG BÁO CỐ BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC THÁNG 05 NĂM 2025
(Kèm theo Thông báo số 37/TB-HV ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Giám đốc Học viện)

ST T	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Ngành đào tạo	Số vào sổ	Lớp sinh viên	Số QĐTN
1	Nguyễn Tú	Anh	10/02/1997	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	An toàn thông tin	1079/2025/DH	D15CQAT04-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
2	Phùng Chí	Công	12/07/1998	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	An toàn thông tin	1080/2025/DH	D16CQAT02-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
3	Tống Đình	Hoàn	21/05/1998	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	An toàn thông tin	1081/2025/DH	D16CQAT02-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
4	Nguyễn Minh	Hiếu	18/07/1999	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	An toàn thông tin	1082/2025/DH	D17CQAT02-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
5	Nguyễn Văn	Tĩnh	14/07/1999	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	An toàn thông tin	1083/2025/DH	D17CQAT02-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
6	Vũ Ngọc	Hiền	17/04/1999	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	An toàn thông tin	1084/2025/DH	D17CQAT03-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
7	Phạm Xuân	Thịnh	06/05/1999	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	An toàn thông tin	1085/2025/DH	D17CQAT03-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
8	Trần Đình	Tú	01/01/1999	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	An toàn thông tin	1086/2025/DH	D17CQAT03-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
9	Nguyễn Tuấn	Minh	22/05/1999	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	An toàn thông tin	1087/2025/DH	D17CQAT04-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
10	Nguyễn Tuấn	Thành	06/08/1999	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	An toàn thông tin	1088/2025/DH	D17CQAT04-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
11	Vũ Thị Anh	Thư	10/11/1999	Nữ	Trung bình	Đại học	Chính quy	An toàn thông tin	1089/2025/DH	D17CQAT04-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
12	Trịnh Quang	Phong	25/01/2000	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	An toàn thông tin	1090/2025/DH	D18CQAT01-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
13	Vũ Lâm	Thạch	10/02/2000	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	An toàn thông tin	1091/2025/DH	D18CQAT01-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
14	Hoàng Ngọc	Khánh	09/03/2000	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	An toàn thông tin	1092/2025/DH	D18CQAT02-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
15	Phạm Trung	Kiên	17/04/2000	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	An toàn thông tin	1093/2025/DH	D18CQAT02-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
16	Vương Hải	Chiến	05/09/1999	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	An toàn thông tin	1094/2025/DH	D18CQAT03-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
17	Nguyễn Thành	Đạt	02/12/2000	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	An toàn thông tin	1095/2025/DH	D18CQAT03-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
18	Trần Ngọc	Giang	03/11/2000	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	An toàn thông tin	1096/2025/DH	D18CQAT04-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
19	Nguyễn Văn	Chương	13/01/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	An toàn thông tin	1097/2025/DH	D19CQAT01-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025

ST T	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Ngành đào tạo	Số vào sổ	Lớp sinh viên	Số QĐTN
20	Nguyễn Hoàng Hải	16/01/2001	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	An toàn thông tin	1098/2025/DH	D19CQAT01-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
21	Phạm Văn Thanh	18/01/2001	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	An toàn thông tin	1099/2025/DH	D19CQAT02-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
22	Trương Như Đạt	26/10/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	An toàn thông tin	1100/2025/DH	D19CQAT03-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
23	Triệu Xuân Hùng	02/02/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	An toàn thông tin	1101/2025/DH	D19CQAT03-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
24	Phạm Quang Huy	05/10/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	An toàn thông tin	1102/2025/DH	D19CQAT03-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
25	Nguyễn Quốc Khánh	26/04/2001	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	An toàn thông tin	1103/2025/DH	D19CQAT03-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
26	Nguyễn Hải Long	27/02/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	An toàn thông tin	1104/2025/DH	D19CQAT03-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
27	Mai Hoàng Tiến	17/02/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	An toàn thông tin	1105/2025/DH	D19CQAT03-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
28	Vũ Quang Vinh	09/04/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	An toàn thông tin	1106/2025/DH	D19CQAT03-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
29	Lê Mạnh Cường	04/10/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	An toàn thông tin	1107/2025/DH	D19CQAT04-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
30	Nguyễn Khắc Huy	27/03/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	An toàn thông tin	1108/2025/DH	D19CQAT04-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
31	Nguyễn Đăng Tuấn Bảo	25/05/2002	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	An toàn thông tin	1109/2025/DH	D20CQAT03-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
32	Trần Tuấn Đạt	24/05/2002	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	An toàn thông tin	1110/2025/DH	D20CQAT03-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
33	Nguyễn Trí Huy	07/05/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	An toàn thông tin	1111/2025/DH	D20CQAT04-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
34	Hoàng Phi Hùng	01/04/1999	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ đa phương tiện	1112/2025/DH	D17PTDPT2	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
35	Nguyễn Đức Thắng	09/10/1999	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ đa phương tiện	1113/2025/DH	D17PTDPT2	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
36	Nguyễn Minh Tuấn	05/01/1999	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ đa phương tiện	1114/2025/DH	D17PTDPT2	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
37	Nguyễn Thị Thanh	10/07/1999	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ đa phương tiện	1115/2025/DH	D17TKDPT1	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
38	Phan Thị Thu Uyên	09/11/1999	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ đa phương tiện	1116/2025/DH	D17TKDPT1	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
39	Nguyễn Thanh Hà	25/04/1999	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ đa phương tiện	1117/2025/DH	D17TKDPT2	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
40	Mai Xuân Long	25/10/1999	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ đa phương tiện	1118/2025/DH	D17TKDPT2	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025

ST T	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Ngành đào tạo	Số vào sổ	Lớp sinh viên	Số QĐTN
41	Lê Ngọc	Mai	20/07/1999	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ đa phương tiện	1119/2025/DH	D17TKDPT2	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
42	Phạm Anh	Tuấn	23/02/2000	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ đa phương tiện	1120/2025/DH	D18PTDPT1	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
43	Bùi Hoàng Hải	Đăng	28/09/2000	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ đa phương tiện	1121/2025/DH	D18TKDPT1	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
44	Phạm Văn	Bách	15/02/2000	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ đa phương tiện	1122/2025/DH	D18TKDPT2	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
45	Trần Huy Minh	Hoàng	12/07/2000	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ đa phương tiện	1123/2025/DH	D18TKDPT2	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
46	Trần Như	Quỳnh	14/07/2000	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ đa phương tiện	1124/2025/DH	D18TKDPT3	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
47	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	29/11/2000	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ Đa phương tiện	1125/2025/DH	D19PTDPT	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
48	Lê Thị	Hằng	26/07/2001	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ Đa phương tiện	1126/2025/DH	D19PTDPT	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
49	Phạm Việt	Hoàng	17/07/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ Đa phương tiện	1127/2025/DH	D19PTDPT	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
50	Lê Ngọc	Linh	16/03/2001	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ Đa phương tiện	1128/2025/DH	D19PTDPT	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
51	Nguyễn Khắc	Sang	03/05/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ Đa phương tiện	1129/2025/DH	D19PTDPT	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
52	Lê Quang	Thiện	16/09/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ Đa phương tiện	1130/2025/DH	D19PTDPT	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
53	Dương Quốc	An	21/10/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ Đa phương tiện	1131/2025/DH	D19TKDPT1	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
54	Hồ Ngọc	Bảo	09/07/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ Đa phương tiện	1132/2025/DH	D19TKDPT1	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
55	Lê Đức	Tiến	07/09/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ Đa phương tiện	1133/2025/DH	D19TKDPT2	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
56	Phạm Tuấn	Anh	05/01/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ Đa phương tiện	1134/2025/DH	D19TKDPT3	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
57	Bùi Thị Phương	Ngọc	12/03/2001	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ Đa phương tiện	1135/2025/DH	D19TKDPT3	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
58	Phạm Thị	Vân	01/06/2001	Nữ	Giỏi	Đại học	Chính quy	Công nghệ Đa phương tiện	1136/2025/DH	D19TKDPT3	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
59	Nguyễn Hoàng Thanh	Ngân	21/08/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ Đa phương tiện	1137/2025/DH	D20TKDPT2	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
60	Đào Đông	Dương	09/09/2002	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ Đa phương tiện	1138/2025/DH	D20TKDPT3	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
61	Ngô Văn	Trưởng	14/05/2002	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ Đa phương tiện	1139/2025/DH	D20TKDPT3	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025

ST T	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Ngành đào tạo	Số vào sổ	Lớp sinh viên	Số QĐTN
62	Vũ Đăng	Hung	12/03/1999	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1140/2025/DH	D17CNPМ2	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
63	Đình Quang	Nghĩa	04/08/1999	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1141/2025/DH	D17CNPМ2	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
64	Nguyễn Văn	Cương	10/04/1998	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1142/2025/DH	D17CNPМ5	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
65	Nguyễn Việt	Đoàn	24/11/1999	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1143/2025/DH	D17CNPМ5	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
66	Lê Khắc	Phúc	10/11/1999	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1144/2025/DH	D17CNPМ5	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
67	Nguyễn Gián	Dương	08/08/1999	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1145/2025/DH	D17HTTT2	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
68	Nguyễn Quang	Huy	22/10/1999	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1146/2025/DH	D17HTTT2	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
69	Lê Tuấn	Hùng	04/09/1999	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1147/2025/DH	D17HTTT3	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
70	Trịnh Ngọc	Nam	06/02/1999	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1148/2025/DH	D17HTTT5	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
71	Nguyễn Ngọc	Thùy	18/08/1999	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1149/2025/DH	D17HTTT6	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
72	Kim Văn	Anh	07/02/2000	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1150/2025/DH	D18CNPМ1	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
73	Đỗ Việt	Long	07/08/2000	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1151/2025/DH	D18CNPМ1	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
74	Quách Thành	Nghiệp	05/02/2000	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1152/2025/DH	D18CNPМ1	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
75	Quản Thành	Trung	24/01/2000	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1153/2025/DH	D18CNPМ1	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
76	Bùi Quý	Duy	29/11/2000	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1154/2025/DH	D18CNPМ3	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
77	Bùi Đức	Khanh	17/11/2000	Nam	Giỏi	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1155/2025/DH	D18CNPМ3	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
78	Hoàng Thái	Sơn	18/09/2000	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1156/2025/DH	D18CNPМ3	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
79	Nguyễn Đình Tuấn	Anh	19/06/2000	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1157/2025/DH	D18CNPМ5	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
80	Nguyễn Minh	Đăng	22/06/2000	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1158/2025/DH	D18CNPМ5	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
81	Nguyễn Phương	Duy	15/06/2000	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1159/2025/DH	D18CNPМ6	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
82	Nguyễn Thị Diệu	Linh	20/01/2000	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1160/2025/DH	D18CNPМ6	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025

ST T	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Ngành đào tạo	Số vào sổ	Lớp sinh viên	Số QĐTN
83	Trịnh Đình	Nghĩa	21/10/1999	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1161/2025/DH	D18HTTT1	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
84	Nguyễn Ngọc Thành Long		20/05/2000	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1162/2025/DH	D18HTTT2	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
85	Phạm Đình	Son	06/07/2000	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1163/2025/DH	D18HTTT2	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
86	Tạ Duy	Thắng	19/07/2000	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1164/2025/DH	D18HTTT2	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
87	Đào Quang	Tùng	01/02/2000	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1165/2025/DH	D18HTTT2	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
88	Vũ Trọng	Quý	24/10/2000	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1166/2025/DH	D18HTTT3	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
89	Hồ Đức	Thành	18/06/2000	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1167/2025/DH	D18HTTT5	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
90	Nguyễn Thị	Thêu	16/12/2000	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1168/2025/DH	D18HTTT5	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
91	Đỗ Mạnh	Hùng	04/12/2000	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1169/2025/DH	D18HTTT6	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
92	Lê Thanh	Hải	16/05/2001	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1170/2025/DH	D19CNPM1	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
93	Trần Hồng	Quân	12/12/2001	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1171/2025/DH	D19CNPM1	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
94	Lê Văn	Thanh	10/09/2001	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1172/2025/DH	D19CNPM1	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
95	Phạm Anh	Tiến	29/12/2001	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1173/2025/DH	D19CNPM1	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
96	Đỗ Đức	Tâm	01/07/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1174/2025/DH	D19CNPM2	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
97	Lê Văn	Trọng	29/09/2001	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1175/2025/DH	D19CNPM2	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
98	Nguyễn Thành	Vinh	12/04/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1176/2025/DH	D19CNPM2	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
99	Nguyễn Đăng Hoàng Anh		22/07/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1177/2025/DH	D19CNPM3	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
100	Nguyễn Phúc	Tỉnh	03/11/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1178/2025/DH	D19CNPM3	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
101	Nguyễn Mạnh	Tùng	19/10/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1179/2025/DH	D19CNPM3	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
102	Nguyễn Quang	An	03/07/2001	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1180/2025/DH	D19CNPM4	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
103	Phạm Tiến	Anh	17/08/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1181/2025/DH	D19CNPM4	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025

ST T	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Ngành đào tạo	Số vào sổ	Lớp sinh viên	Số QĐTN
104	Tạ Phương Duy	10/11/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1182/2025/DH	D19CNPM4	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
105	Nguyễn Hoàng Dương	21/02/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1183/2025/DH	D19CNPM4	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
106	Bùi Minh Đức	26/10/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1184/2025/DH	D19CNPM4	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
107	Phạm Trần Đức	06/10/2001	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1185/2025/DH	D19CNPM4	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
108	Bùi Văn Chiến	12/04/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1186/2025/DH	D19CNPM5	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
109	Nguyễn Thành Dương	15/05/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1187/2025/DH	D19CNPM5	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
110	Trần Ngọc Minh Đức	24/11/2001	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1188/2025/DH	D19CNPM5	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
111	Phạm Xuân Huy	30/05/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1189/2025/DH	D19CNPM5	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
112	Phan Quang Huy	17/02/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1190/2025/DH	D19CNPM5	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
113	Đỗ Minh Hoàng	03/03/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1191/2025/DH	D19CNPM6	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
114	Nguyễn Bá Việt Lâm	21/04/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1192/2025/DH	D19CNPM6	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
115	Lê Khánh Linh	05/04/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1193/2025/DH	D19CNPM6	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
116	Trần Võ Linh	25/03/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1194/2025/DH	D19CNPM6	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
117	Lê Thành Long	24/07/2001	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1195/2025/DH	D19CNPM6	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
118	Nguyễn Văn Danh	03/04/2001	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1196/2025/DH	D19CNPM7	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
119	Đào Trọng Phúc	26/10/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1197/2025/DH	D19CNPM8	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
120	Nguyễn Minh Quân	13/12/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1198/2025/DH	D19CNPM8	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
121	Vũ Anh Quân	22/01/2001	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1199/2025/DH	D19CNPM8	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
122	Nguyễn Quốc Cường	29/12/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1200/2025/DH	D19HTTT1	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
123	Phạm Đức Hải	22/02/2001	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1201/2025/DH	D19HTTT1	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
124	Nguyễn Thành Long	11/08/2001	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1202/2025/DH	D19HTTT1	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025

ST T	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Ngành đào tạo	Số vào sổ	Lớp sinh viên	Số QĐTN
125	Phạm Quang Tù	05/11/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1203/2025/DH	D19HTTT1	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
126	Trần Văn Dinh	22/02/2001	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1204/2025/DH	D19HTTT3	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
127	Phan Hoàng Sơn	11/07/2001	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1205/2025/DH	D19HTTT3	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
128	Phạm Văn Toán	17/06/2001	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1206/2025/DH	D19HTTT3	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
129	Nguyễn Trung Anh	12/04/2001	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1207/2025/DH	D19HTTT4	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
130	Trần Vũ Minh Quý	31/07/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1208/2025/DH	D19HTTT4	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
131	Nguyễn Tuấn Truyền	01/03/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1209/2025/DH	D19HTTT4	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
132	Nguyễn Minh Chí	15/09/2002	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1210/2025/DH	D20CNPM2	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
133	Nguyễn Tùng Dương	06/01/2002	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1211/2025/DH	D20CNPM3	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
134	Hoàng Hải An	02/08/2002	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1212/2025/DH	D20CNPM4	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
135	Trần Thiên Hương	04/10/2002	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1213/2025/DH	D20CNPM6	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
136	Ngô Trần Đức Thái	05/07/2002	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1214/2025/DH	D20CNPM6	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
137	Bùi Mạnh Phúc	26/11/2002	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1215/2025/DH	D20HTTT2	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
138	Trịnh Bá Ngọc Sơn	28/02/2002	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1216/2025/DH	D20HTTT3	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
139	Đoàn Thị Thanh Thùy	21/03/2002	Nữ	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1217/2025/DH	D20HTTT3	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
140	Nguyễn Thanh Hoàng	11/10/2002	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1218/2025/DH	D20HTTT4	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
141	Vũ Quốc Việt	04/04/2002	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1219/2025/DH	D20HTTT5	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
142	Trần Minh Hiếu	28/05/1999	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin (CLC)	1220/2025/DH	E17CQCNC01-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
143	Nông Nguyễn Ngọc Phương	16/10/2000	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin (CLC)	1221/2025/DH	E18CQCNC01-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
144	Lê Văn Tiến	11/07/2000	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin (CLC)	1222/2025/DH	E18CQCNC01-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
145	Phạm Minh Tuấn	21/12/2000	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin (CLC)	1223/2025/DH	E18CQCNC01-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025

ST T	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Ngành đào tạo	Số vào sổ	Lớp sinh viên	Số QĐTN
146	Đỗ Ngọc	Hùng	13/09/2000	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin (CLC)	1224/2025/DH	E18CQCQN02-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
147	Nguyễn Hoàng	Son	04/12/2000	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin (CLC)	1225/2025/DH	E18CQCQN02-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
148	Đỗ Văn	Trọng	20/10/1997	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1226/2025/DH	D15CNP3M3	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
149	Nguyễn Trọng	Hiếu	23/07/1998	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1227/2025/DH	D16CNP4M4	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
150	Nguyễn Thành	Long	15/04/1998	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1228/2025/DH	D16CNP4M4	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
151	Đổng Văn	Phong	01/03/1997	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1229/2025/DH	D16CNP4M4	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
152	Phạm Sơn	Tùng	22/02/1998	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1230/2025/DH	D16HTTT4	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
153	Hoàng Minh	Tân	03/03/2000	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử	1231/2025/DH	D18DTMT1	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
154	Hà Phương	Duy	22/02/2000	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử	1232/2025/DH	D18XLTH2	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
155	Đào Ngọc	Anh	20/02/2001	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử	1233/2025/DH	D19DTMT1	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
156	Trần Gia	Bảo	23/09/2001	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử	1234/2025/DH	D19DTMT1	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
157	Hoàng Trường	Giang	01/04/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử	1235/2025/DH	D19DTMT1	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
158	Phạm Long	Tường	21/01/2001	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử	1236/2025/DH	D19DTMT1	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
159	Nguyễn Việt	Anh	07/04/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử	1237/2025/DH	D19DTMT2	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
160	Đình Tiến	Danh	14/07/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử	1238/2025/DH	D19DTMT2	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
161	Nguyễn Công	Đạt	29/03/2001	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử	1239/2025/DH	D19DTMT2	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
162	Nguyễn Văn	Dũng	19/12/2001	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử	1240/2025/DH	D19DTMT3	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
163	Trần Thanh	Hải	05/09/2001	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử	1241/2025/DH	D19DTMT3	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
164	Nguyễn Xuân	Trung	12/09/2001	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử	1242/2025/DH	D19DTMT3	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
165	Vũ Minh	Tuấn	27/08/2001	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử	1243/2025/DH	D19DTMT3	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
166	Ngô Thanh	Giang	04/03/2000	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử	1244/2025/DH	D19XLTH	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025

ST T	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Ngành đào tạo	Số vào sổ	Lớp sinh viên	Số QĐTN
167	Phùng Trung	Hiếu	26/09/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử	1245/2025/DH	D19XLTH	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
168	Lê Tuấn	Phước	02/08/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử	1246/2025/DH	D19XLTH	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
169	Lại Việt	Thắng	19/09/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử	1247/2025/DH	D19XLTH	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
170	Trịnh Xuân	Minh	02/02/2002	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử	1248/2025/DH	D20DTRB	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
171	Nguyễn Khắc	Tuấn	11/11/1995	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ Kỹ thuật điện - điện tử	1249/2025/DH	D14XLTHTT1	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
172	Trần Hải	Lan	04/12/1998	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ Kỹ thuật điện - điện tử	1250/2025/DH	D16DTMT	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
173	Phạm Anh	Đức	03/08/1998	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ Kỹ thuật điện - điện tử	1251/2025/DH	D16XLTH1	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
174	Đỗ Ngọc	Lâm	13/10/1997	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ Kỹ thuật điện - điện tử	1252/2025/DH	D16XLTH2	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
175	Lê Văn	Hiếu	28/06/1999	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ Kỹ thuật điện - điện tử	1253/2025/DH	D17DTMT2	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
176	Đinh Văn	Phú	05/01/1997	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	1254/2025/DH	D15CQVT04-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
177	Hồ Văn	Mạnh	06/11/1998	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	1255/2025/DH	D16CQVT03-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
178	Đỗ Tuyên	Hoàng	28/09/1999	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	1256/2025/DH	D17CQVT01-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
179	Trịnh Lê	Văn	09/10/1999	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	1257/2025/DH	D17CQVT03-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
180	Nguyễn Tiến	Đạt	10/05/1999	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	1258/2025/DH	D17CQVT06-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
181	Nguyễn Tiến	Anh	30/06/1998	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	1259/2025/DH	D17CQVT07-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
182	Trần Thu	Trang	18/12/1999	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	1260/2025/DH	D17CQVT07-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
183	Lê Hải	Đăng	11/08/2000	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	1261/2025/DH	D18CQVT02-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
184	Nguyễn Trung	Hiếu	05/08/2000	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	1262/2025/DH	D18CQVT04-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
185	Đinh Quang	Trường	07/08/2000	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	1263/2025/DH	D18CQVT06-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
186	Nguyễn Chí	Vũ	26/02/2000	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	1264/2025/DH	D18CQVT06-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
187	Nguyễn Mạnh	Dũng	14/10/2000	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	1265/2025/DH	D18CQVT08-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025

ST T	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Ngành đào tạo	Số vào sổ	Lớp sinh viên	Số QĐTN
188	Lê Quang	Triệu	03/04/2001	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	1267/2025/DH	D19VTHI1	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
189	Nguyễn Đăng	Khoa	17/03/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	1268/2025/DH	D19VTHI3	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
190	Vũ Trọng Trần	Trí	04/03/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	1269/2025/DH	D19VTMD1	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
191	Nguyễn Mạnh	Việt	01/03/2001	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	1270/2025/DH	D19VTMD1	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
192	Nguyễn Nhật	Minh	05/12/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	1271/2025/DH	D19VTMD3	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
193	Đỗ Đức	Quân	26/07/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	1272/2025/DH	D19VTMD3	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
194	Lê Công Yên	Tùng	14/04/2001	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	1273/2025/DH	D19VTMD3	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
195	Hà Quang	Long	09/03/2001	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	1274/2025/DH	D19VTVT1	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
196	Trần Quyết	Tiến	19/11/2001	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	1275/2025/DH	D19VTVT1	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
197	Trần Minh	Đức	19/02/2001	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	1276/2025/DH	D19VTVT2	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
198	Lê Minh	Hiếu	11/07/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	1277/2025/DH	D19VTVT2	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
199	Trần Thành	Công	10/10/2002	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	1278/2025/DH	D20VTHI1	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
200	Nguyễn Ngọc	Chung	16/10/2002	Nam	Giỏi	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	1279/2025/DH	D20VTHI2	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
201	Bùi Tuấn	Dũng	18/11/2002	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	1280/2025/DH	D20VTHI2	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
202	Nguyễn Văn	Kiên	22/01/2002	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	1281/2025/DH	D20VTHI2	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
203	Lê Đình	Thanh	04/10/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	1282/2025/DH	D20VTHI2	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
204	Đoàn Đức	Thắng	08/05/2002	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	1283/2025/DH	D20VTHI3	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
205	Nguyễn Hữu	Phẩm	14/11/2002	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	1284/2025/DH	D20VTMD1	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
206	Nguyễn Tấn	Linh	07/01/2002	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	1285/2025/DH	D20VTMD2	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
207	Hoàng Văn	Chiến	23/03/2000	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	1286/2025/DH	D20VTVT2	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
208	Nguyễn Thị	Thùy	27/10/1995	Nữ	Trung bình	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	1287/2025/DH	D13CQVT06-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025

ST T	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Ngành đào tạo	Số vào sổ	Lớp sinh viên	Số QĐTN
209	Dương Thị Linh	Chi	12/12/1999	Nữ	Trung bình	Đại học	Chính quy	Kế toán	1288/2025/DH	D17CQKT01-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
210	Đỗ Thị Thanh	Trà	28/08/2001	Nữ	Trung bình	Đại học	Chính quy	Kế toán	1289/2025/DH	D19ACCA	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
211	Phạm Thu	Trang	21/04/2001	Nữ	Trung bình	Đại học	Chính quy	Kế toán	1290/2025/DH	D19CQKT02-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
212	Trương Việt	Ánh	28/06/2002	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Kế toán	1291/2025/DH	D20ACCA	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
213	Đặng Thị	Hiền	02/06/2001	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Kế toán	1292/2025/DH	D20ACCA	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
214	Nguyễn Thị Thu	Thanh	31/10/2002	Nữ	Trung bình	Đại học	Chính quy	Kế toán	1293/2025/DH	D20ACCA	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
215	Đinh Thị	Lưu	18/10/2002	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Kế toán	1294/2025/DH	D20CQKT01-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
216	Vũ Quang	Minh	09/11/2002	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Kế toán	1295/2025/DH	D20CQKT01-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
217	Trần Thị Như	Quỳnh	15/01/2002	Nữ	Trung bình	Đại học	Chính quy	Kế toán	1296/2025/DH	D20CQKT01-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
218	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	14/04/2002	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Kế toán	1297/2025/DH	D20CQKT01-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
219	Nguyễn Thị	Thêu	16/05/2002	Nữ	Giỏi	Đại học	Chính quy	Kế toán	1298/2025/DH	D20CQKT01-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
220	Mai Quỳnh	Đan	21/06/2002	Nữ	Trung bình	Đại học	Chính quy	Kế toán	1299/2025/DH	D20CQKT03-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
221	Tạ Thảo	Linh	25/04/2002	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Kế toán	1300/2025/DH	D20CQKT03-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
222	Dương Thảo	Ngân	23/06/2002	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Kế toán	1301/2025/DH	D20CQKT03-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
223	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	12/04/2002	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Kế toán	1302/2025/DH	D20CQKT04-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
224	Nguyễn Thị Phương	Thảo	25/05/2002	Nữ	Trung bình	Đại học	Chính quy	Kế toán	1303/2025/DH	D20CQKT04-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
225	Trần Thị Châu	Giang	22/05/1999	Nữ	Trung bình	Đại học	Chính quy	Marketing	1304/2025/DH	D17IMR1	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
226	Nguyễn Đức Bảo	Kim	17/09/1998	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Marketing	1305/2025/DH	D17IMR1	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
227	Trần Văn	Anh	19/01/2000	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Marketing	1306/2025/DH	D18IMR1	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
228	Trần Thị Thu	Hà	18/07/2000	Nữ	Trung bình	Đại học	Chính quy	Marketing	1307/2025/DH	D18IMR1	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
229	Doãn Văn	Anh	08/07/2000	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Marketing	1308/2025/DH	D18IMR2	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025

ST T	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Ngành đào tạo	Số vào sổ	Lớp sinh viên	Số QĐTN
230	Bùi Quang Sáng	31/10/2000	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Marketing	1309/2025/DH	D18IMR3	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
231	Nguyễn Đức Minh	16/04/2000	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Marketing	1310/2025/DH	D18PMR	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
232	Nguyễn Thị Quỳnh Như	18/07/2001	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Marketing	1311/2025/DH	D19IMR2	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
233	Đỗ Thị Phương Thủy	08/06/2001	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Marketing	1312/2025/DH	D19IMR3	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
234	Đỗ Hạnh Trang	14/05/2001	Nữ	Giỏi	Đại học	Chính quy	Marketing	1313/2025/DH	D19PMR	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
235	Chu Thị Châu	21/10/2002	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Marketing	1314/2025/DH	D20IMR1	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
236	Hà Thị Cúc	23/06/2002	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Marketing	1315/2025/DH	D20IMR1	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
237	Phạm Thị Hồng Lan	18/09/2002	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Marketing	1316/2025/DH	D20IMR1	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
238	Chu Thị Quỳnh Nga	21/12/2002	Nữ	Trung bình	Đại học	Chính quy	Marketing	1317/2025/DH	D20IMR1	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
239	Đào Quang Huy	08/11/2002	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Marketing	1318/2025/DH	D20IMR2	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
240	Trịnh Thị Thủy	30/06/2002	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Marketing	1319/2025/DH	D20IMR2	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
241	Nguyễn Thị Dinh	10/08/2002	Nữ	Giỏi	Đại học	Chính quy	Marketing	1320/2025/DH	D20PMR	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
242	Phạm Tùng Dương	08/01/2002	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Marketing	1321/2025/DH	D20PMR	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
243	Lê Tài Đức	01/04/2002	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Marketing	1322/2025/DH	D20PMR	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
244	Lê Quốc Khánh	31/08/2002	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Marketing	1323/2025/DH	D20PMR	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
245	Nguyễn Kiều Linh	06/10/2002	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Marketing	1324/2025/DH	D20PMR	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
246	Nguyễn Thị Trang	13/02/2002	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Marketing	1325/2025/DH	D20PMR	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
247	Cung Vũ Huy	26/08/1999	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Quản trị kinh doanh	1326/2025/DH	D17TMDT1	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
248	Đào Ngọc Thành	01/06/1999	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Quản trị kinh doanh	1327/2025/DH	D17TMDT1	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
249	Nguyễn Trung Kiên	01/08/2000	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Quản trị kinh doanh	1328/2025/DH	D18QTDN2	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
250	Nguyễn Thị Diệu Linh	16/03/2000	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Quản trị kinh doanh	1329/2025/DH	D18QTDN2	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025

ST T	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Ngành đào tạo	Số vào sổ	Lớp sinh viên	Số QĐTN
251	Trần Thị Khánh	Huyền	24/10/2000	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Quản trị kinh doanh	1330/2025/DH	D18TMDT2	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
252	Đông Thu	Hương	02/06/2001	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Quản trị kinh doanh	1331/2025/DH	D19TMDT3	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
253	Nguyễn Như	Quỳnh	22/05/2001	Nữ	Trung bình	Đại học	Chính quy	Quản trị kinh doanh	1332/2025/DH	D19TMDT3	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
254	Nguyễn Thị Thủy	Trang	11/11/2001	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Quản trị kinh doanh	1333/2025/DH	D19TMDT3	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
255	Nguyễn Thị Thanh	Vân	30/08/2001	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Quản trị kinh doanh	1334/2025/DH	D19TMDT3	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
256	Nguyễn Đức	Hùng	19/12/2002	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Quản trị kinh doanh	1335/2025/DH	D20QTDN	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
257	Nguyễn Thị Hoài	Linh	19/02/2002	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Quản trị kinh doanh	1336/2025/DH	D20QTDN	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
258	Nguyễn Văn	Kỳ	23/04/2002	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Quản trị kinh doanh	1337/2025/DH	D20QTLG	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
259	Nguyễn Việt	Dũng	24/11/2002	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Quản trị kinh doanh	1338/2025/DH	D20TMDT	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
260	Nguyễn Văn	Hòa	01/05/2002	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Quản trị kinh doanh	1339/2025/DH	D20TMDT	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
261	Nguyễn Hồng	Nhung	24/11/2002	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Quản trị kinh doanh	1340/2025/DH	D20TMDT	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
262	Nguyễn Trọng	Tiến	26/03/2002	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Quản trị kinh doanh	1341/2025/DH	D20TMDT	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
263	Dương Quang	Anh	01/10/2000	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Thương mại điện tử	1342/2025/DH	D18CQTM01-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
264	Nguyễn Trung	Thắng	19/09/2000	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Thương mại điện tử	1343/2025/DH	D18CQTM01-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
265	Đàm Xuân	Hiệu	12/12/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Thương mại điện tử	1344/2025/DH	D19CQTM01-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
266	Nguyễn Đức	Mạnh	21/12/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Thương mại điện tử	1345/2025/DH	D19CQTM01-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
267	Phan Văn	Mạnh	09/12/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Thương mại điện tử	1346/2025/DH	D19CQTM01-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
268	Nguyễn Hữu Huy	Hoàng	24/07/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Thương mại điện tử	1347/2025/DH	D19CQTM02-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
269	Dương Thành	Long	31/08/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Thương mại điện tử	1348/2025/DH	D19CQTM02-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
270	Mai Văn	Hùng	25/02/2002	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Thương mại điện tử	1349/2025/DH	D20CQTM01-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
271	Bùi Hải	Đông	02/01/2002	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Thương mại điện tử	1350/2025/DH	D20CQTM02-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025

ST T	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Ngành đào tạo	Số vào sổ	Lớp sinh viên	Số QĐTN
272	Vũ Duy Long	29/07/2000	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Truyền thông đa phương tiện	1351/2025/DH	D18CQTT01-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
273	Nguyễn Thị Vân Anh	03/02/2001	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Truyền thông Đa phương tiện	1352/2025/DH	D19CQTT01-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
274	Trần Thị Thu Phương	19/07/2001	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Truyền thông Đa phương tiện	1353/2025/DH	D19CQTT02-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
275	Phạm Thị Anh Thơ	09/11/2001	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Truyền thông Đa phương tiện	1354/2025/DH	D19CQTT02-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
276	Lê Hoàng Anh	28/07/2002	Nam	Giỏi	Đại học	Chính quy	Truyền thông Đa phương tiện	1355/2025/DH	D20CQTT01-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
277	Nguyễn Thùy Dương	02/12/2002	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Truyền thông Đa phương tiện	1356/2025/DH	D20CQTT01-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
278	Lê Tiến Đạt	11/03/2002	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Truyền thông Đa phương tiện	1357/2025/DH	D20CQTT01-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
279	Vũ Thị Việt Hoa	14/12/2002	Nữ	Giỏi	Đại học	Chính quy	Truyền thông Đa phương tiện	1358/2025/DH	D20CQTT01-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
280	Đỗ Thu Huyền	06/11/2002	Nữ	Giỏi	Đại học	Chính quy	Truyền thông Đa phương tiện	1359/2025/DH	D20CQTT01-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
281	Phí Thị Diệu Linh	23/12/2002	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Truyền thông Đa phương tiện	1360/2025/DH	D20CQTT01-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
282	Nguyễn Thị Tuyết Mai	02/01/2002	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Truyền thông Đa phương tiện	1361/2025/DH	D20CQTT01-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
283	Vũ Việt Nga	03/12/2002	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Truyền thông Đa phương tiện	1362/2025/DH	D20CQTT01-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
284	Phạm Tuấn Thành	01/11/2002	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Truyền thông Đa phương tiện	1363/2025/DH	D20CQTT01-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
285	Phan Mạnh Hùng	23/12/2002	Nam	Giỏi	Đại học	Chính quy	Truyền thông Đa phương tiện	1364/2025/DH	D20CQTT02-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
286	Trần Phương Ngân	01/07/2002	Nữ	Giỏi	Đại học	Chính quy	Truyền thông Đa phương tiện	1365/2025/DH	D20CQTT02-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
287	Đinh Thị Trang Nhung	07/02/2002	Nữ	Giỏi	Đại học	Chính quy	Truyền thông Đa phương tiện	1366/2025/DH	D20CQTT02-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
288	Phạm Cảnh Phi	26/01/2002	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Truyền thông Đa phương tiện	1367/2025/DH	D20CQTT02-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
289	Trần Thị Hải Phương	13/04/2002	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Truyền thông Đa phương tiện	1368/2025/DH	D20CQTT02-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
290	Nguyễn Quyết Thắng	13/09/2002	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Truyền thông Đa phương tiện	1369/2025/DH	D20CQTT02-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
291	Nguyễn Hòa Thuận	14/02/2002	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Truyền thông Đa phương tiện	1370/2025/DH	D20CQTT02-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025
292	Nguyễn Thu Thủy	05/02/2002	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Truyền thông Đa phương tiện	1371/2025/DH	D20CQTT02-B	251/QĐ-HV ngày 10/4/2025

ST T	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Ngành đào tạo	Số vào số	Lớp sinh viên	Số QĐTN
293	Mai Xuân	Ý	22/11/2000	Nam	Giỏi	Đại học	Chính quy	An toàn thông tin	1372/2025/DH	D18CQAT01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
294	Nguyễn Gia	Liêm	14/10/2000	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	An toàn thông tin	1373/2025/DH	D18CQAT02-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
295	Trần Bảo	Toàn	05/07/2000	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	An toàn thông tin	1374/2025/DH	D18CQAT02-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
296	Đoàn Anh	Tuấn	08/04/2000	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	An toàn thông tin	1375/2025/DH	D18CQAT02-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
297	Nguyễn Công	Lực	08/02/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	An toàn thông tin	1376/2025/DH	D19CQAT01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
298	Lưu Văn	Công	16/02/2002	Nam	Giỏi	Đại học	Chính quy	An toàn thông tin	1377/2025/DH	D20CQAT01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
299	Nguyễn Thanh	Sơn	20/02/2002	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	An toàn thông tin	1378/2025/DH	D20CQAT01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
300	Nguyễn Hữu Vẹn	Toàn	26/12/2002	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	An toàn thông tin	1379/2025/DH	D20CQAT01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
301	Hoàng Ngọc Hoài	Thương	13/09/1998	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1380/2025/DH	D16CQCP01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
302	Nguyễn Thế	Cường	23/05/1999	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1381/2025/DH	D17CQCP01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
303	Trần Vũ Hoàng	Tâm	30/11/1996	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1382/2025/DH	D17CQCP02-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
304	Nguyễn Thị Thùy	Linh	29/08/2000	Nữ	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1383/2025/DH	D18CQCP01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
305	Võ Hoàng	Long	24/08/2000	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1384/2025/DH	D18CQCP01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
306	Nguyễn Văn	Nhất	18/05/2000	Nam	Giỏi	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1385/2025/DH	D18CQCP02-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
307	Nguyễn Chí	Tín	11/03/2000	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1386/2025/DH	D18CQCP02-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
308	Phan Thiên	Lộc	10/11/1999	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1387/2025/DH	D18CQIS01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
309	Mai Hoàng Thanh	Bình	27/09/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1388/2025/DH	D19CQCNP01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
310	Võ Đông	Duy	19/09/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1389/2025/DH	D19CQCNP01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
311	Nguyễn Hoàng	Hào	24/07/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1390/2025/DH	D19CQCNP01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
312	Nguyễn Thị Huỳnh	Mỹ	30/04/2001	Nữ	Giỏi	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1391/2025/DH	D19CQCNP01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
313	Nguyễn Đắc	Thánh	04/06/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1392/2025/DH	D19CQCNP02-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
314	Phạm Gia	Bảo	15/08/2002	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1393/2025/DH	D20CQCNP01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026

ST T	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Ngành đào tạo	Số vào sổ	Lớp sinh viên	Số QĐTN
315	Lương Thanh Quý	27/03/2002	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1394/2025/DH	D20CQCNP01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
316	Hồ Quốc Đạt	30/10/2002	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1395/2025/DH	D20CQCNP02-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
317	Lê Phi Hùng	18/07/2002	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1396/2025/DH	D20CQCNP02-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
318	Nguyễn Thanh Huy	06/04/2002	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1397/2025/DH	D20CQCNP02-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
319	Từ Văn Khánh	20/04/2002	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1398/2025/DH	D20CQCNP02-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
320	Nguyễn Vũ Quang	03/05/2002	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1399/2025/DH	D20CQCNP02-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
321	Nguyễn Quốc Toàn	13/09/2002	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ thông tin	1400/2025/DH	D20CQCNP02-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
322	Vũ Thị Mến	10/04/1998	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ Đa phương tiện	1401/2025/DH	D16CQPU01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
323	Nguyễn Ngọc Hiệp	29/06/1999	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ Đa phương tiện	1402/2025/DH	D17CQPU01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
324	Nguyễn Lê Hoàng Thanh	20/07/1999	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ Đa phương tiện	1403/2025/DH	D17CQPU01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
325	Đặng Ngọc Thiện	16/11/2000	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ Đa phương tiện	1404/2025/DH	D18CQPU01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
326	Nguyễn Huỳnh Như Hào	17/11/2000	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ Đa phương tiện	1405/2025/DH	D18CQTK01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
327	Nguyễn Ngọc Minh Thư	17/02/2001	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ Đa phương tiện	1406/2025/DH	D19CQTK01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
328	Trần Vũ Kiều Trinh	17/05/2002	Nữ	Giỏi	Đại học	Chính quy	Công nghệ Đa phương tiện	1407/2025/DH	D20CQPTTK01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
329	Nguyễn Tuấn Anh	26/05/2000	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử	1408/2025/DH	D18CQKD01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
330	Đinh Xuân Hậu	19/04/2000	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử	1409/2025/DH	D18CQKD01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
331	Nguyễn Mạnh Hòa	10/01/2000	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử	1410/2025/DH	D18CQKD01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
332	Nguyễn Thế Anh	14/01/1997	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	1411/2025/DH	D16CQVT01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
333	Nguyễn Quang Hà	06/02/2000	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	1412/2025/DH	D18CQVT01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
334	Nguyễn Hùng Long	05/07/1995	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	1413/2025/DH	D18CQVT01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
335	Nguyễn Ngọc Nam	10/11/2000	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	1414/2025/DH	D18CQVT01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
336	Chu Thanh Tinh	18/11/2000	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	1415/2025/DH	D18CQVT01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026

ST T	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Ngành đào tạo	Số vào sổ	Lớp sinh viên	Số QĐTN
337	Đình Viết Mình	16/02/2001	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	1416/2025/DH	D19CQVTHI01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
338	Nguyễn Sĩ Tiến	18/06/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	1417/2025/DH	D19CQVTHI01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
339	Đặng Bùi Quốc Tuấn	17/05/2001	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	1418/2025/DH	D19CQVTHI01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
340	Lê Thị Mình	27/09/2001	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	1419/2025/DH	D19CQVTHI01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
341	Nguyễn Thị Hoài Thương	03/05/2001	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	1420/2025/DH	D19CQVTHI01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
342	Phạm Minh Hải	24/02/2001	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	1421/2025/DH	D19CQVTHI01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
343	Nguyễn Giê Nha	07/12/2001	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	1422/2025/DH	D19CQVTHI01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
344	Lê Ngọc Phúc	10/12/2000	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	1423/2025/DH	D19CQVTHI01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
345	Phạm Nguyễn Hoàng Minh	03/07/2001	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	1424/2025/DH	D19CQVTHI01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
346	Trương Quang Huy	06/07/2002	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	1425/2025/DH	D20CQVTHI01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
347	Phạm Đức Long	30/04/2002	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	1426/2025/DH	D20CQVTHI01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
348	Nguyễn Mậu Phương	20/06/2002	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	1427/2025/DH	D20CQVTHI01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
349	Nguyễn Thị Hoài Nam	16/10/2002	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	1428/2025/DH	D20CQVTHI01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
350	Phan Trọng Nghĩa	21/12/2002	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	1429/2025/DH	D20CQVTHI01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
351	Phan Toàn Ý	18/02/2002	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	1430/2025/DH	D20CQVTHI01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
352	Đặng Đức Tiến	05/06/2002	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	1431/2025/DH	D20CQVTHI01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
353	Mai Thị Cẩm Lai	05/09/2002	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	1432/2025/DH	D20CQVTHI01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
354	Trần Phú Vinh	01/11/2002	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	1433/2025/DH	D20CQVTHI01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
355	Nguyễn Lan Anh	06/11/2000	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Kế toán	1434/2025/DH	D18CQKT01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
356	Dương Thị Trúc Linh	24/11/2000	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Kế toán	1435/2025/DH	D18CQKT01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
357	Hà Thị Hồng Nga	21/06/2001	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Kế toán	1436/2025/DH	D19CQKT01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
358	Phùng Thị Phi Nhung	26/03/2001	Nữ	Giỏi	Đại học	Chính quy	Kế toán	1437/2025/DH	D19CQKT01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026

ST T	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Ngành đào tạo	Số vào sổ	Lớp sinh viên	Số QĐTN
359	Phạm Ngọc Ái	Thi	13/12/2001	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Kế toán	D19CQKT01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
360	Nguyễn Ngọc Mý	Mý	05/10/2002	Nữ	Trung bình	Đại học	Chính quy	Kế toán	D20CQKT01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
361	Phạm Thị Nga	Nga	14/04/2002	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Kế toán	D20CQKT01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
362	Đình Phương Hồng Ngọc	Ngọc	18/01/2002	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Kế toán	D20CQKT01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
363	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	Nhi	13/08/2002	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Kế toán	D20CQKT01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
364	Đỗ Tiên Tiên	Tiên	30/05/2002	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Kế toán	D20CQKT01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
365	Lê Thị Bé My	My	10/11/2000	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Quản trị kinh doanh	D18CQQD01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
366	Nguyễn Ngọc Hiện	Hiện	30/07/2000	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Quản trị kinh doanh	D18CQQM01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
367	Nguyễn Thị Thùy Linh	Linh	12/08/2000	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Quản trị kinh doanh	D18CQQM01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
368	Chế Thị Kim Phụng	Phụng	09/03/2000	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Quản trị kinh doanh	D18CQQM01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
369	Vị Thị Cẩm Nương	Nương	20/04/2001	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Quản trị kinh doanh	D19CQQTDN01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
370	Đỗ Huy Hoàng	Hoàng	13/03/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Quản trị kinh doanh	D19CQQTMR01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
371	Lê Văn Long	Long	26/09/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Quản trị kinh doanh	D19CQQTMR01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
372	Trần Xuân Thanh	Thanh	26/05/2002	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Quản trị kinh doanh	D20CQQTDN01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
373	Dương Minh Thịnh	Thịnh	12/09/2002	Nam	Trung bình	Đại học	Chính quy	Quản trị kinh doanh	D20CQQTDN01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
374	Huỳnh Thơ	Thơ	20/11/2002	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Quản trị kinh doanh	D20CQQTDN01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
375	Đoàn Thanh Hải	Hải	02/08/2001	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Marketing	D19CQMR TT01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
376	Hoàng Thái Bảo	Bảo	21/10/2002	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Marketing	D20CQMRPT01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
377	Nguyễn Thị Thu Hòa	Hòa	21/01/2001	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Marketing	D20CQMRPT01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
378	Phan Ngọc Khánh Nhi	Nhi	20/04/2002	Nữ	Khá	Đại học	Chính quy	Marketing	D20CQMRPT01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026
379	Trương Văn Thuận	Thuận	03/09/2002	Nam	Khá	Đại học	Chính quy	Marketing	D20CQMR TT01-N	429/QĐ-HV ngày 21/4/2026

ST T	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Ngành đào tạo	Số vào sổ	Lớp sinh viên	Số QĐTN
380	Đặng Ngọc Bình	25/02/1992	Nam	Khá	Đại học	Học từ xa	Công nghệ thông tin	1459/2025/DH	D20TXCN01-B	430/QĐ-HV ngày 21/4/2026
381	Đỗ Anh Đức	19/12/1983	Nam	Khá	Đại học	Học từ xa	Công nghệ thông tin	1460/2025/DH	D20TXCN01-B	430/QĐ-HV ngày 21/4/2026
382	Nguyễn Trọng Dũng	12/11/1989	Nam	Khá	Đại học	Học từ xa	Công nghệ thông tin	1461/2025/DH	D20TXCN01-B	430/QĐ-HV ngày 21/4/2026
383	Nguyễn Thu Huệ	27/04/1998	Nữ	Khá	Đại học	Học từ xa	Công nghệ thông tin	1462/2025/DH	D20TXCN01-B	430/QĐ-HV ngày 21/4/2026
384	Đặng Đình Hùng	25/06/1994	Nam	Khá	Đại học	Học từ xa	Công nghệ thông tin	1463/2025/DH	D20TXCN01-B	430/QĐ-HV ngày 21/4/2026
385	Nguyễn Mạnh Hùng	12/12/1989	Nam	Khá	Đại học	Học từ xa	Công nghệ thông tin	1464/2025/DH	D20TXCN01-B	430/QĐ-HV ngày 21/4/2026
386	Dương Thị Thu Hương	06/04/1996	Nữ	Khá	Đại học	Học từ xa	Công nghệ thông tin	1465/2025/DH	D20TXCN01-B	430/QĐ-HV ngày 21/4/2026
387	Vĩ Thị Minh Nguyệt	24/04/1993	Nữ	Khá	Đại học	Học từ xa	Công nghệ thông tin	1466/2025/DH	D20TXCN01-B	430/QĐ-HV ngày 21/4/2026
388	Lê Văn Phương	16/08/2000	Nam	Khá	Đại học	Học từ xa	Công nghệ thông tin	1467/2025/DH	D20TXCN01-B	430/QĐ-HV ngày 21/4/2026
389	Hà Hoàng Quân	02/09/1996	Nam	Khá	Đại học	Học từ xa	Công nghệ thông tin	1468/2025/DH	D20TXCN01-B	430/QĐ-HV ngày 21/4/2026
390	Lê Công Thắng	02/12/1988	Nam	Khá	Đại học	Học từ xa	Công nghệ thông tin	1469/2025/DH	D20TXCN01-B	430/QĐ-HV ngày 21/4/2026
391	Nghiêm Xuân Thắng	23/10/1993	Nam	Trung bình	Đại học	Học từ xa	Công nghệ thông tin	1470/2025/DH	D20TXCN01-B	430/QĐ-HV ngày 21/4/2026
392	Đỗ Trường Tôn	24/08/1991	Nam	Khá	Đại học	Học từ xa	Công nghệ thông tin	1471/2025/DH	D20TXCN01-B	430/QĐ-HV ngày 21/4/2026
393	Nguyễn Tuấn Tú	26/02/1996	Nam	Khá	Đại học	Học từ xa	Công nghệ thông tin	1472/2025/DH	D20TXCN01-B	430/QĐ-HV ngày 21/4/2026
394	Phí Ngọc Tùng	20/04/1997	Nam	Khá	Đại học	Học từ xa	Công nghệ thông tin	1473/2025/DH	D20TXCN01-B	430/QĐ-HV ngày 21/4/2026
395	Kiểu Văn Tuyên	20/06/1982	Nam	Trung bình	Đại học	Học từ xa	Công nghệ thông tin	1474/2025/DH	D20TXCN01-B	430/QĐ-HV ngày 21/4/2026
396	Lê Trọng Đức	05/02/1991	Nam	Khá	Đại học	Học từ xa	Công nghệ thông tin	1475/2025/DH	D20TXCN02-B	430/QĐ-HV ngày 21/4/2026
397	Nguyễn Hoàng Giang	14/07/1999	Nam	Trung bình	Đại học	Học từ xa	Công nghệ thông tin	1476/2025/DH	D20TXCN02-B	430/QĐ-HV ngày 21/4/2026
398	Trần Văn Lâm	06/07/1982	Nam	Khá	Đại học	Học từ xa	Công nghệ thông tin	1477/2025/DH	D20TXCN02-B	430/QĐ-HV ngày 21/4/2026
399	Bùi Hồng Quang	15/01/1991	Nam	Trung bình	Đại học	Học từ xa	Công nghệ thông tin	1478/2025/DH	D20TXCN02-B	430/QĐ-HV ngày 21/4/2026
400	Nguyễn Huy Hoàng	22/01/1996	Nam	Khá	Đại học	Học từ xa	Công nghệ thông tin	1479/2025/DH	D20TXCN02-B	430/QĐ-HV ngày 21/4/2026

ST T	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Ngành đào tạo	Số vào sổ	Lớp sinh viên	Số QĐTN
401	Nguyễn Đức	Vượng	18/01/1996	Nam	Khá	Đại học	Học từ xa	Công nghệ thông tin	1480/2025/DH	D20TXCN02-B	430/QĐ-HV ngày 21/4/2026
402	Kiểu Thị Như	Quỳnh	03/07/1998	Nữ	Trung bình	Đại học	Học từ xa	Công nghệ thông tin	1481/2025/DH	D20TXCN02-B	430/QĐ-HV ngày 21/4/2026
403	Ấu Văn	Úy	13/06/1985	Nam	Trung bình	Đại học	Học từ xa	Công nghệ thông tin	1482/2025/DH	D19TXCN01-B	430/QĐ-HV ngày 21/4/2026
404	Lục Thị	Tân	07/08/1993	Nữ	Trung bình	Đại học	Học từ xa	Công nghệ thông tin	1483/2025/DH	D19TXCN02-B	430/QĐ-HV ngày 21/4/2026
405	Hoàng Thái	Dương	22/09/1992	Nam	Khá	Đại học	Học từ xa	Công nghệ thông tin	1484/2025/DH	D19TXCN03-B	430/QĐ-HV ngày 21/4/2026
406	Nguyễn Văn	Huy	15/02/1993	Nam	Trung bình	Đại học	Học từ xa	Công nghệ thông tin	1485/2025/DH	D21TXCN03-B	430/QĐ-HV ngày 21/4/2026
407	Hà Ngọc	Thịnh	06/03/1993	Nam	Khá	Đại học	Học từ xa	Công nghệ thông tin	1486/2025/DH	D18TXCN02-B	430/QĐ-HV ngày 21/4/2026
408	Hà Văn	Trường	07/04/1993	Nam	Trung bình	Đại học	Học từ xa	Công nghệ thông tin	1487/2025/DH	D18TXCN02-B	430/QĐ-HV ngày 21/4/2026
409	Tôn Quang	Đoàn	18/02/1989	Nam	Khá	Đại học	Học từ xa	Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	1488/2025/DH	D20TXVT01-B	430/QĐ-HV ngày 21/4/2026
410	Nguyễn Thị	Hà	29/12/1988	Nữ	Khá	Đại học	Học từ xa	Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	1489/2025/DH	D20TXVT01-B	430/QĐ-HV ngày 21/4/2026
411	Nguyễn Chí	Hanh	12/04/1988	Nam	Khá	Đại học	Học từ xa	Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	1490/2025/DH	D20TXVT01-B	430/QĐ-HV ngày 21/4/2026
412	Nguyễn Thị Minh	Hạnh	04/06/1977	Nữ	Khá	Đại học	Học từ xa	Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	1491/2025/DH	D20TXVT01-B	430/QĐ-HV ngày 21/4/2026
413	Vương Thế	Hoàng	27/12/1998	Nam	Khá	Đại học	Học từ xa	Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	1492/2025/DH	D20TXVT01-B	430/QĐ-HV ngày 21/4/2026
414	Ngô Tuấn	Linh	18/12/1987	Nam	Khá	Đại học	Học từ xa	Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	1493/2025/DH	D20TXVT01-B	430/QĐ-HV ngày 21/4/2026
415	Nguyễn Văn	Lợi	21/12/1998	Nam	Khá	Đại học	Học từ xa	Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	1494/2025/DH	D20TXVT01-B	430/QĐ-HV ngày 21/4/2026
416	Chu Văn	Nhất	02/08/1992	Nam	Khá	Đại học	Học từ xa	Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	1495/2025/DH	D20TXVT01-B	430/QĐ-HV ngày 21/4/2026
417	Phạm Hữu	Quyên	18/11/1989	Nam	Khá	Đại học	Học từ xa	Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	1496/2025/DH	D20TXVT01-B	430/QĐ-HV ngày 21/4/2026
418	Nguyễn Trung	Thông	15/08/1986	Nam	Khá	Đại học	Học từ xa	Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	1497/2025/DH	D20TXVT01-B	430/QĐ-HV ngày 21/4/2026
419	Phan Thanh	Tùng	11/04/1990	Nam	Khá	Đại học	Học từ xa	Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	1498/2025/DH	D20TXVT01-B	430/QĐ-HV ngày 21/4/2026
420	Trần Anh	Tuân	19/08/1980	Nam	Khá	Đại học	Học từ xa	Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	1499/2025/DH	D20TXVT02-B	430/QĐ-HV ngày 21/4/2026
421	Trần Thị Huyền	Trang	26/03/2001	Nữ	Trung bình	Đại học	Học từ xa	Quản trị kinh doanh	1500/2025/DH	D20TXQT01-B	430/QĐ-HV ngày 21/4/2026

ST T	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Trình độ đào tạo	Hình thức đào tạo	Ngành đào tạo	Số vào sổ	Lớp sinh viên	Số QĐTN
422	Đào Xuân Hùng	29/09/1990	Nam	Trung bình	Đại học	Học từ xa	Quản trị kinh doanh	1501/2025/DH	D20TXQT02-B	430/QĐ-HV ngày 21/4/2026
423	Quảng Thị Linh	11/12/1996	Nữ	Trung bình	Đại học	Học từ xa	Quản trị kinh doanh	1502/2025/DH	D20TXQT02-B	430/QĐ-HV ngày 21/4/2026
424	Đinh Thị Hà	05/07/1989	Nữ	Khá	Đại học	Học từ xa	Quản trị kinh doanh	1503/2025/DH	D19TXQT03-B	430/QĐ-HV ngày 21/4/2026
425	Lâm Hương Lan	02/08/1993	Nữ	Trung bình	Đại học	Học từ xa	Quản trị kinh doanh	1504/2025/DH	D22TXQT01-B	430/QĐ-HV ngày 21/4/2026
426	Nguyễn Thị Huyền	10/10/1989	Nữ	Khá	Đại học	Học từ xa	Quản trị kinh doanh	1505/2025/DH	D18TXQT01-B	430/QĐ-HV ngày 21/4/2026

Danh sách gồm có: 426 sinh viên

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Tuyết



Đặng Văn Tùng